

Số: 170 /QĐ-CC6

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 4 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**v/v ban hành mức thu thù lao công chứng và nguyên tắc tính
chi phí khác tại Phòng Công chứng số 6**

TRƯỞNG PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 6

Căn cứ Luật công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Quyết định số 28/2006/QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2006 của Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc thành lập Phòng công chứng số 6 TP Hồ Chí Minh và quyết định số 414/QĐ-UBND-TC ngày 29 tháng 12 năm 2015 về bổ nhiệm Trưởng phòng công chứng số 6;

Căn cứ quyết định số 1598/QĐ-UBND ngày 09 tháng 04 năm 2008 của Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh, về chuyển đổi các phòng công chứng trực thuộc Sở Tư Pháp sang loại hình hoạt động đơn vị sự nghiệp;

Căn cứ theo quyết định số 08/2016/QĐ-UBND ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh, ban hành quy định mức thù lao công chứng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này mức thu thù lao công chứng và nguyên tắc tính chi phí khác tại Phòng Công chứng số 6 Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2.

2.1 Trách nhiệm của công chứng viên:

- Xác định mức thu thù lao cụ thể đối với từng loại dịch vụ có liên quan đến việc công chứng và thông báo cho người yêu cầu công chứng biết khi tiếp nhận hồ sơ yêu cầu công chứng.

- Thỏa thuận với người yêu cầu công chứng về chi phí xác minh, giám định hoặc thực hiện công chứng ngoài trụ sở liên quan đến hồ sơ yêu cầu công chứng do mình tiếp nhận dựa theo nguyên tắc quy định trong quyết định này.

- Giải thích rõ cho người yêu cầu công chứng về thù lao công chứng và các chi phí cụ thể liên quan đến hồ sơ yêu cầu công chứng do mình tiếp nhận.



2.2 Trách nhiệm của nhân viên kế toán: thu thù lao và chi phí khác theo mức mà người yêu cầu công chứng đã được công chứng viên thông báo hoặc thỏa thuận.

Điều 3. Việc xét miễn giảm mức thù lao đối với các trường hợp khó khăn về kinh tế do trưởng phòng quyết định trên cơ sở đơn xin miễn, giảm của người yêu cầu công chứng và ý kiến đề nghị của công chứng viên tiếp nhận yêu cầu công chứng.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2016, thay thế Quyết định số 701/QĐ-CC6 ngày 01 tháng 10 năm 2013 của Phòng Công chứng số 6 về thù lao và chi phí khác.

Điều 5. Công chứng viên, nhân viên kế toán, cộng tác viên phiên dịch của Phòng công chứng số 6 và người yêu cầu công chứng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 5;
- Sở Tư pháp (để b/c);
- Lưu: VT, KT.

TRƯỞNG PHÒNG



Đỗ Thiện Căn

MỨC THÙ LAO CÔNG CHỨNG VÀ NGUYÊN TẮC TÍNH CHI PHÍ KHÁC

(ban hành kèm theo quyết định số 170/QĐ-CC6 ngày 19/4/2016)

A. MỨC THÙ LAO CÔNG CHỨNG :

STT	Loại việc	Mức thu	
		Đơn giản	Phức tạp
I.	Soạn thảo văn bản	(đồng/hồ sơ)	
1	Hợp đồng mua bán, chuyển nhượng, tặng cho, đặt cọc chuyển nhượng tài sản	70.000	300.000
2	Hợp đồng hủy bỏ, sửa đổi, bổ sung, chấm dứt, thanh lý	50.000	200.000
3	Hợp đồng ủy quyền, thuê, mượn, vay, thế chấp tài sản giữa cá nhân, tổ chức với nhau	70.000	300.000
4	Văn bản liên quan đến hôn nhân, gia đình (<i>phân chia tài sản chung, nhập tài sản riêng vào khối tài sản chung, văn bản về chế độ tài sản theo thỏa thuận...</i>)	70.000	250.000
5	Di chúc	70.000	300.000
6	Văn bản khai nhận, phân chia di sản thừa kế	140.000	450.000
7	Giấy ủy quyền, văn bản từ chối nhận di sản	50.000	200.000
8	Hợp đồng kinh tế, thương mại, đầu tư, góp vốn, hợp tác kinh doanh	100.000 (đồng/trang)	
9	Soạn thảo các hợp đồng, giao dịch khác	80.000	350.000
II.	Đánh máy, in ấn văn bản	15.000đồng/trang. (trang lời chứng không thu)	
III.	Dịch thuật (<i>bao gồm công dịch, đánh máy, in ấn</i>)		
1	Dịch từ tiếng nước ngoài sang Tiếng Việt	(đồng/trang)	
	<i>Tiếng Anh, Hoa</i>	120.000	
	<i>Tiếng Nga, Pháp</i>	130.000	
	<i>Tiếng Hàn, Nhật, Đức</i>	140.000	
	<i>Tiếng các nước khác</i>	150.000	
2	Dịch từ tiếng Việt sang Tiếng nước ngoài	(đồng/trang)	
	<i>Tiếng Anh, Hoa</i>	150.000	
	<i>Tiếng Nga, Pháp</i>	160.000	
	<i>Tiếng Hàn, Nhật, Đức</i>	170.000	
	<i>Tiếng các nước khác</i>	180.000	

3	Trường hợp yêu cầu làm thêm bản dịch thứ 2 trở lên	5.000 đồng/trang nhưng không quá 50.000 đồng/bản dịch
IV. Phiên dịch trực tiếp cho người không biết Tiếng Việt khi tham gia giao dịch		
1	<i>Tiếng thông dụng</i>	200.000 đồng/thời gian 30 phút/ hồ sơ, nhưng không quá 2.500.000 đồng/hồ sơ
2	<i>Tiếng không thông dụng</i>	250.000 đồng/thời gian 30 phút/ hồ sơ, nhưng không quá 3.000.000 đồng/hồ sơ
V.	Sao chụp giấy tờ, tài liệu	1.000 đồng/tờ A4
VI.	Cung cấp biểu mẫu (văn bản, hợp đồng...)	không thu
VII.	Sao lục hồ sơ lưu trữ	50.000 đồng/văn bản, từ văn bản thứ 2 trong cùng hồ sơ lưu chỉ thu thêm tiền sao chụp 1.000 đồng/ tờ A4
VIII. Niêm yết hồ sơ di sản thừa kế (tính theo khoảng cách km)		
1	Từ 5km trở xuống	250.000 đồng/lần đi
2	Từ trên 5km	250.000đồng/lần đi +15.000đồng/1km vượt, nhưng không quá 600.000đồng/lần đi
XI. Ký ngoài trụ sở (bao gồm cả việc tham gia đấu giá bất động sản)		
1	Trong phạm vi Thành phố Hồ Chí Minh	
	Từ 5km trở xuống	500.000 đồng/lần đi
	Từ trên 5km	500.000đồng/lần đi +30.000đồng/1km vượt, nhưng không quá 1.200.000đồng/lần đi
2	Ngoài phạm vi Thành phố Hồ Chí Minh	
	<i>Đi và về trong buổi làm việc</i>	1.500.000 đồng/lần đi
	<i>Đi và về trong ngày làm việc</i>	2.000.000 đồng/lần đi
	<i>Đi và về không trong ngày làm việc</i>	2.500.000 đồng/lần đi
X. Các công việc khác		
	<i>Công việc đơn giản</i>	400.000 đồng/vụ việc
	<i>Công việc phức tạp</i>	1.000.000 đồng/vụ việc

B. NGUYÊN TẮC TÍNH CHI PHÍ KHÁC:

Mức thu chi phí khác do người yêu cầu công chứng và Phòng công chứng thỏa thuận, dựa theo nguyên tắc như sau:

1. Chi phí xác minh, giám định được xác định trên cơ sở báo giá dịch vụ do cơ quan, tổ chức thực hiện xác minh, giám định công bố.
2. Chi phí tiền ăn: -Ăn sáng tối thiểu 50.000đồng/bữa ăn -Ăn trưa và ăn tối tối thiểu 150.000đồng/bữa ăn.
3. Chi phí tiền lưu trú: tối thiểu khách sạn 3sao.
4. Chi phí phương tiện đi lại: -Nếu sử dụng máy bay, tính tối thiểu tương đương vé hạng phổ thông -Nếu sử dụng xe lửa, tính tối thiểu tương đương vé giường nằm mềm có máy lạnh (hoặc ghế ngồi mềm có máy lạnh, trong trường hợp không có loại giường nằm) -Nếu sử dụng xe ô tô thì tính tối thiểu theo giá cước taxi.

* **Ghi chú:** Các mức thu trên đã bao gồm thuế GTGT, chưa bao gồm phí công chứng theo Thông tư số 08/2012/TTLT-BTC-BTP và Thông tư số 115/2014/TTLT-BTC-BTP của Bộ Tài Chính và Bộ Tư Pháp.

